

Bản án số: 436/2020/HS-PT

Ngày: 10 - 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 69/2020/TLPT- HS ngày 13 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2020/HS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1995, tại tỉnh Đồng Tháp; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Phòng trọ số 26, nhà trọ N thuộc khu phố 3, phường T2, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Hòa Hảo; cha Nguyễn Phước Tr, sinh năm 1970 và mẹ Nguyễn Thị N, sinh năm 1972; chồng Lê Hữu Đ, sinh năm 1994; bị cáo có 01 người con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không.

Ngày 11/6/2019, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Bình Dương bắt tạm giữ đến ngày 20/6/2019 áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Trần Văn H – thuộc Đ Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn xin xét xử vắng mặt và có bài bào chữa)

(Ngoài ra, vụ án còn có bị cáo Lê Hữu Đ không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Hữu Đ cùng vợ là Nguyễn Thị Ngọc H tạm trú tại phòng trọ số 26 nhà trọ N thuộc khu phố 3, phường T2, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên từ khoảng tháng 3/2019, Đ liên hệ với đối tượng B ở Thành phố Hồ Chí Minh (chưa rõ nhân thân, lai lịch và địa chỉ cụ thể) để mua ma túy về phân ra bán lại kiếm lời. Từ thời điểm này đến ngày bị bắt (ngày 10/6/2019), Đ đã mua ma túy của B khoảng 03 lần, mỗi lần mua từ 10gam đến 100gam ma túy đá (Methamphetamine) với giá 5.200.000 đồng/10gam. Sau khi mua ma túy, Đ đem về phòng trọ, dùng cân điện tử chia nhỏ thành nhiều phần bỏ vào túi nilon và ông hút nhựa để bán với giá từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng.

Vào cuối tháng 3 đầu tháng 4/2019, H đi làm về phòng trọ thì nhìn thấy Đ đang ngồi phân chia 04 đến 05 đoạn ống hút bên trong có chứa tinh thể màu trắng. H biết Đ đang phân ma túy nhưng vẫn hỏi “anh đang làm gì vậy, làm gì mà giấu em”, Đ trả lời “anh có làm gì đâu” rồi lấy các đoạn ống hút bỏ vào túi quần và đi sang phòng trọ kế bên chơi.

Khoảng giữa tháng 4/2019, H đang ở phòng trọ thì Đ điện thoại cho H nói “lát có 02 người đến thì lấy miếng giấy anh gói để trên cửa sổ đưa cho người ta dùm” H vừa giữ điện thoại nghe vừa lại mở gói giấy ra thì thấy 02 đoạn ống hút hàn kín hai đầu bên trong có tinh thể màu trắng, H biết đó là ma túy nhưng vẫn hỏi lại “ 02 đoạn ống hút này là gì mà đưa cho người ta” thì Đ nói “cứ đưa cho người ta đi về nói chuyện sau”. Khoảng 01 tiếng sau, có hai người đến hỏi thì H đưa 02 đoạn uống hút chứa ma túy bên trong cho hai người đó. Đến cuối buổi chiều Đ về thì H hỏi “anh bán ma túy hả”, Đ trả lời “do thiếu nợ nhiều làm không có dư nên bán một thời gian rồi nghỉ”.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 10/6/2019, H đi làm về thấy Đ đang nằm trên võng trong phòng trọ, trên nóc tủ lạnh có 01 (một) hộp giấy (loại hộp đựng điện thoại) nên H mở ra thì nhìn thấy bên trong có nhiều túi nilon miếng kéo dính, nhiều đoạn ống hút nhựa hàn kín hai đầu bên trong chứa tinh thể màu trắng

và 01 (một) cân điện tử hiệu AMPUT. H hỏi Đ “lại tiếp tục mua bán ma túy hả, sao lần trước anh nói bỏ mà lại bán tiếp”. Đ nói với H là “lỡ rồi bán hết số đó rồi nghỉ”. Nghe Đ nói vậy, H bỏ số ma túy và cân điện tử lại vị trí cũ rồi bỏ đi chợ, sau đó quay về phòng trọ, còn Đ sang phòng dãy trọ kế bên chơi. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Đội Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy Công an thị xã B phối hợp với Công an phường T2 đến kiểm tra phát hiện, thu giữ số ma túy nêu trên và ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Thị Ngọc H.

Đối với Đ, thấy Công an vào phòng trọ kiểm tra nên bỏ trốn. Ngày 13/6/2019, Đ đến Công an phường T2, thị xã B, tỉnh Bình Dương đầu thú.

Bản Kết luận giám định số 458/MT-PC09 ngày 18/6/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Số ma túy thu giữ tại phòng trọ của Nguyễn Thị Ngọc H gửi đến giám định có tổng khối lượng/trọng lượng là 110,8701gam, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra, Đ khai đã bán ma túy cho các đối tượng sau: Nguyễn Văn D, sinh năm 1993; Ngô Thành L, sinh năm 1985; Bùi Văn D, sinh năm 1997.

Đối với Nguyễn Văn D và Ngô Thành L, Công an tỉnh Bình Dương đã xử phạt hành chính.

Riêng Bùi Văn D, hiện không có mặt tại nơi cư trú, chưa xác định được Danh hiện tại ở đâu và cũng chưa xác định được các đối tượng bán ma túy cho Đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương sẽ tiếp tục điều tra làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2020/HSST ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Hữu Đ và Nguyễn Thị Ngọc H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt các bị cáo để thi hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 11/6/2019 đến ngày 20/6/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Lê Hữu Đ 20 (hai mươi) năm tù theo điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 22/01/2020, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H như sau:

Án sơ thẩm xử phạt bị cáo H đồng phạm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt là nhẹ. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đã có đủ cơ sở xác định, bị cáo Lê Hữu Đ và bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H là vợ chồng, cùng tạm trú tại phòng trọ số 26, nhà trọ N thuộc khu phố 3, phường T2, thị xã B, tỉnh Bình Dương đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho các con nghiện nhằm mục đích kiếm lời. Trong đó, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H biết Đ tàng trữ trái phép ma túy tại phòng trọ để bán cho các đối tượng nghiện ma túy nhưng không báo cho cơ quan chức năng. Bị cáo H còn trực tiếp giúp bị cáo Đ giao ma túy cho các đối tượng nghiện ma túy, chấp nhận để bị cáo Đ tiếp tục thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng/trọng lượng ma túy thu giữ là 110,8701gam, loại Methamphetamine.

Với hành vi phạm tội nêu trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Lê Hữu Đ và Nguyễn Thị Ngọc H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đồng thời xác định bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quyết định hình phạt: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc và xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H như: trong quá trình tố tụng bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; khi phạm tội, bị cáo H đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Đây tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2

Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo có nhân thân tốt, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, chồng của bị cáo cũng phạm tội trong vụ án này nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Từ đó, xử phạt bị cáo mức án 05 (năm) tù là phù hợp và tương xứng với tính chất, mức độ trong vai trò đồng phạm của bị cáo H.

Vì lẽ đó, yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận, vì vậy bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 03/2020/HS-ST ngày 10/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 11/6/2019 đến ngày 20/6/2019.

2. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp số tiền 200.000 đồng án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Văn

Trần Thị Thu Thủy

Phạm Công Mười